

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Bộ phận kinh doanh bán buôn và bán lẻ trực thuộc Công ty thương mại đầu tư và phát triển Bình Dương (nay là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên) theo Quyết định số 30/2002/QĐ-UB ngày 20 tháng 3 năm 2002 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 3700413826 (số cũ là 4603000041), đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2002 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 02 tháng 10 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	607.005.000.000	60,70
Ông Nguyễn Tấn Lợi	4.350.000.000	0,43
Ông Lê Minh Tâm	2.921.700.000	0,29
Ông Đoàn Văn Thuận	3.204.000.000	0,32
Bà Lê Thị Diệu Thanh	4.350.000.000	0,43
Các cổ đông khác	378.169.300.000	37,83
Cộng	1.000.000.000.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 16 tháng 4 năm 2010 với mã chứng khoán là TDC.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 – 650) 2 220 666 – 2 220 677
Fax : (84 – 650) 2 220 678
Mã số thuế : 3 7 0 0 4 1 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Trung tâm kinh doanh vật liệu xây dựng Bình Dương	Đường DT 743, phường Phú Hòa, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp bê tông trộn sẵn Mỹ Phước	Đường D1, khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương – Xí nghiệp cấu kiện bê tông đúc sẵn TDC	Đường Vành đai, Khu công nghiệp Mỹ Phước 1, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Thôn Ngô Yển, xã An Hồng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng
Chi nhánh 3 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	107 – 109 – 111 Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	ấp 2, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng đại diện Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hà Nội	Phòng 604, tầng 06, toà nhà Noza, số 243 Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland	Đường TC3, làng chuyên gia Ruby Land, khu phố 04, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh 02 Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại Hải Phòng	Toà nhà Central, số 43 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương - Sàn giao dịch bất động sản Myland tại Bàu Bàng	Đường NC khu đô thị dịch vụ và công nghiệp Bàu Bàng, xã Lai Uyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp;
- Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đại lý phân phối hàng hóa cho các nhà sản xuất trong và ngoài nước;
- Môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản; đấu giá bất động sản;
- Quảng cáo bất động sản;
- Quản lý bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản (trừ định giá bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Hoạt động của các tổ chức khác chưa được phân vào đâu;
- Tổ chức các trận thi đấu bóng đá;
- Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện tử, hàng trang trí nội – ngoại thất;
- Mua bán máy móc, thiết bị điện;
- Nhập khẩu và mua bán các thiết bị thể dục thể thao;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất bảng 1 theo công ước quốc tế);
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Gia công, chế biến đá xây dựng;
- Sản xuất bê tông cốt thép đúc sẵn;
- Sản xuất cấu kiện bằng thép;
- Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc;
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội – ngoại thất công trình;
- Lập dự án đầu tư;
- Đầu tư tài chính;
- Kinh doanh dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh các công việc phụ trợ phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao;
- Sản xuất vật liệu xây dựng (bê tông).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận kỳ này đều giảm so với kỳ trước chủ yếu là do Công ty bàn giao được ít các căn hộ hơn so với kỳ trước.

Trong kỳ, Công ty đã thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty con – Công ty TNHH Tân Thanh Mỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 23 tháng 4 năm 2013 như sau:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5,5% lợi nhuận sau thuế)	8.822.396.000
- Trích thù lao Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát – Thư ký (0,5% lợi nhuận sau thuế)	600.000.000
- Trích thưởng Ban điều hành (75% hoàn thành kế hoạch)	375.000.000
- Chi trả cổ tức (13% vốn điều lệ)	130.000.000.000
Cộng	139.797.396.000

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Bùi Thị Lan	Chủ tịch	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Quản Văn Viết Cường	Thành viên	11 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Minh Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Ông Đoàn Văn Thuận	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-
Bà Huỳnh Thị Phương Thảo	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Dương Hồng Ty	Trưởng ban	07 tháng 11 năm 2003	-
Bà Nguyễn Ngô Hương Dương	Thành viên	01 tháng 4 năm 2002	-
Bà Lê Thị Diệu Thanh	Thành viên	25 tháng 4 năm 2007	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Văn Thuận	Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Lê Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	07 tháng 11 năm 2003	-
Ông Phan Minh Lâm	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 02 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Thị Lan
Chủ tịch

Ngày 27 tháng 8 năm 2013



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0740/2013/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 22 tháng 7 năm 2013, từ trang 07 đến trang 48 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C**

Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.504.991.061.541	3.114.588.443.665
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	39.758.383.165	37.936.516.201
1. Tiền	111		36.258.383.165	11.936.516.201
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	26.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.238.933.000	5.814.123.600
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	8.095.770.935	8.095.770.935
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(3.856.837.935)	(2.281.647.335)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		506.905.569.851	1.391.901.349.157
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	436.536.898.772	1.353.348.357.695
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	53.541.805.674	26.421.453.509
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	21.098.045.526	16.402.718.074
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(4.271.180.121)	(4.271.180.121)
IV. Hàng tồn kho	140		1.937.703.713.497	1.670.727.739.663
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.937.802.532.078	1.670.826.558.244
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(98.818.581)	(98.818.581)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.384.462.028	8.208.715.044
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.328.658.477	1.027.539.691
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.534.626.985	820.250.960
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.25	54.555.950	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	9.466.620.616	6.360.924.393

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		893.003.972.906	261.270.195.911
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		628.757.738.837	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	628.757.738.837	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		100.392.488.615	96.297.819.461
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	86.064.891.988	81.925.306.237
<i>Nguyên giá</i>	222		146.179.953.183	135.195.388.785
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(60.115.061.195)	(53.270.082.548)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.952.558.718	8.006.566.224
<i>Nguyên giá</i>	228		8.992.320.743	8.944.200.743
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.039.762.025)	(937.634.519)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	6.375.037.909	6.365.947.000
III. Bất động sản đầu tư	240		1.652.512.795	1.745.177.065
<i>Nguyên giá</i>	241	V.14	2.409.271.000	2.409.271.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(756.758.205)	(664.093.935)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		159.985.041.155	160.567.608.139
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	108.845.000.000	111.845.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	16.635.910.000	2.235.910.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	36.760.000.000	51.160.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(2.255.868.845)	(4.673.301.861)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.216.191.504	2.659.591.246
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	1.000.165.815	1.273.323.902
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	412.437.944	412.437.944
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	803.587.745	973.829.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.397.995.034.447	3.375.858.639.576

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.318.821.176.384	2.169.123.511.839
I. Nợ ngắn hạn	310		2.244.490.926.452	1.970.250.635.611
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	172.267.520.476	196.217.506.780
2. Phải trả người bán	312	V.23	463.358.104.552	721.450.202.763
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	599.454.261.724	310.953.269.703
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	1.253.629.445	36.956.046.645
5. Phải trả người lao động	315	V.26	3.621.782.279	3.628.600.932
6. Chi phí phải trả	316	V.27	721.164.536.731	489.561.547.616
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	276.015.630.275	202.954.436.055
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.29	3.833.634.124	7.016.625.444
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	3.521.826.846	1.512.399.673
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		74.330.249.932	198.872.876.228
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	70.133.410.217	194.008.035.762
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.32	4.196.839.715	4.864.840.466
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.079.173.858.063	1.206.735.127.737
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.079.173.858.063	1.206.735.127.737
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	1.841.123.840	1.841.123.840
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.33	4.640.739.814	4.640.739.814
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33	28.331.589.757	28.331.589.757
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.33	13.537.934.890	13.537.934.890
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	30.822.469.762	158.383.739.436
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.397.995.034.447	3.375.858.639.576

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		-	
5. Ngoại tệ các loại		-		-	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

Bình Dương, ngày 22 tháng 7 năm 2013


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	583.125.138.942	553.742.620.213
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	136.967.123.243	35.536.708.405
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	446.158.015.699	518.205.911.808
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	369.760.760.077	439.541.840.698
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.397.255.622	78.664.071.110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.375.482.013	14.180.081.524
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	19.008.203.048	21.067.430.927
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.007.994.773	14.079.041.555
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	32.734.901.266	23.806.726.921
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	19.732.311.647	17.163.346.300
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.297.321.674	30.806.648.486
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.705.222.771	22.547.735.715
12. Chi phí khác	32	VI.8	96.346.227	1.663.220.846
13. Lợi nhuận khác	40		4.608.876.544	20.884.514.869
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.906.198.218	51.691.163.355
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.25	2.670.071.892	12.239.083.188
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.236.126.326	39.452.080.167
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-

Bình Dương, ngày 22 tháng 7 năm 2013


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu
Lý Thị Bình
Kế toán trưởng
Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.906.198.218	51.691.163.355
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11, 12, 14	7.958.324.527	6.942.709.194
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.18	1.596.265.650	6.663.565.550
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	359.390.625	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.666.466.806)	(6.192.890.031)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	17.007.994.773	14.079.041.555
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.161.706.987	73.183.589.623
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		252.247.353.730	4.266.457.132
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(256.048.890.501)	(117.208.943.241)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		302.048.666.118	94.480.696.404
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		426.275.409	262.067.938
- Tiền lãi vay đã trả	13		(84.485.955.700)	(10.549.702.370)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(32.354.453.110)	(31.292.992.922)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		8.256.393.600	35.676.443.976
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(17.784.215.177)	(41.701.405.020)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		209.466.881.356	7.116.211.520
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.13	(12.414.565.519)	(394.596.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.457.450.710
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(27.831.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		269.479.837	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	1.269.779.099	6.634.357.787
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.875.306.583)	(19.133.787.503)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

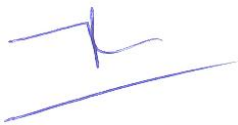
Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

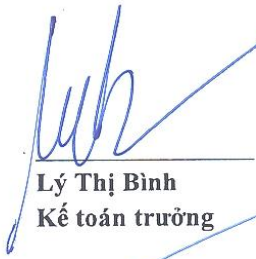
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.22, 31	234.193.158.955	203.932.064.343
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.22, 31	(382.017.770.804)	(160.780.482.251)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.33	(48.945.095.960)	(78.250.626.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(196.769.707.809)	(35.099.043.908)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.821.866.964	(47.116.619.891)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	37.936.516.201	63.614.848.124
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	39.758.383.165	16.498.228.233


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



Bình Dương, ngày 22 tháng 7 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại và kinh doanh bất động sản.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, nhựa đường, bột đá, hóa chất (hóa chất không độc hại mạnh); Dịch vụ tư vấn môi giới bất động sản. Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp; Cho thuê nhà xưởng, nhà ở, nhà văn phòng; Kinh doanh bất động sản. Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Gia công chế biến đá xây dựng; Sản xuất vật liệu xây dựng; Sản xuất cầu kiện bằng thép, bê tông cốt thép đúc sẵn; Sản xuất các sản phẩm kim loại cho xây dựng và kiến trúc; Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, điện tử; Kinh doanh vật liệu xây dựng và trang trí nội ngoại thất; Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Quảng cáo thông qua các hình thức thể thao.
- 4. Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 542 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 557 nhân viên).
- 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận kỳ này đều giảm so với kỳ trước chủ yếu là do Công ty bàn giao được ít các căn hộ hơn so với kỳ trước.

Trong kỳ, Công ty đã thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty con – Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	23
Máy móc và thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 08

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của quyền sử dụng đất là 13 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 49 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo thời gian sử dụng từ 02 - 03 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê.

Chi phí khác

Chi phí khác bao gồm chi phí sửa chữa, thiết kế,... được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong thời gian từ 02 - 03 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Mức trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính bằng 05% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Các quỹ được sử dụng như sau:

	Mục đích
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.809 VND/USD
30/6/2013 : 20.150 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	534.803.458	667.133.315
Tiền gửi ngân hàng	35.723.579.707	11.269.382.886
Các khoản tương đương tiền (*)	3.500.000.000	26.000.000.000
Cộng	39.758.383.165	37.936.516.201

- (*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng. Trong đó, hợp đồng tiền gửi trị giá 3.000.000.000 VND đang được cầm cố tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMJ)	433.709	4.893.028.550	433.709	4.893.028.550
- Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	190.697	3.202.682.385	190.697	3.202.682.385
- Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	6	60.000	6	60.000
Cộng		8.095.770.935		8.095.770.935

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.281.647.335	1.865.688.916
Trích lập dự phòng bổ sung	1.575.190.600	1.194.168.309
Số cuối kỳ	3.856.837.935	3.059.857.225

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng kinh doanh hàng hoá	287.165.843.868	521.456.202.126
Các khách hàng kinh doanh bất động sản	149.371.054.904	831.892.155.569
Cộng	436.536.898.772	1.353.348.357.695

Quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza và dự án Unitown của các khách hàng kinh doanh bất động sản ngắn hạn và dài hạn có giá trị 643.000.000.000 VND đang được thế chấp tại Ngân hàng thương mại đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước tiền kinh doanh bất động sản	42.850.908.805	14.573.995.576
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	10.525.327.631	11.774.857.933
Trả trước các nhà cung cấp khác	165.569.238	72.600.000
Cộng	53.541.805.674	26.421.453.509

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	-	109.444.444
Thuế giá trị gia tăng đã nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	12.931.844.354	11.701.905.433
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp (tiền ứng kinh doanh bất động sản)	2.379.439.838	2.409.643.737
Cổ tức phải thu	3.971.502.015	465.369.864
Phải thu tiền ứng vốn hoạt động	649.003.039	649.003.039

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản bồi thường vật tư thi công phải thu	616.809.261	616.809.262
Phải thu tiền bán cổ phần	292.012.097	-
Các khoản phải thu khác	257.434.922	450.542.295
Cộng	21.098.045.526	16.402.718.074

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	6.251.599.456	8.133.952.319
Công cụ dụng cụ	893.754.822	774.834.848
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.844.808.902.247	1.528.884.669.902
Thành phẩm	3.393.486.537	3.016.521.088
Hàng hóa	82.454.789.016	130.016.580.087
Cộng	1.937.802.532.078	1.670.826.558.244

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	277.231.610	214.930.405
Chi phí sử dụng đường bộ	218.322.558	-
Chi phí bảo hiểm	188.812.917	-
Chi phí khác	644.291.392	812.609.286
Cộng	1.328.658.477	1.027.539.691

9. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho nhân viên.

10. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu khách hàng theo tiến độ trả góp căn hộ.

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	27.917.852.587	21.741.244.805	83.194.136.339	2.210.773.969	131.381.085	135.195.388.785
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.194.973.154	71.615.000	-	138.886.456	-	12.405.474.610
Giảm khác	(77.120.273)	(60.633.480)	-	(1.235.036.459)	(48.120.000)	(1.420.910.212)
Số cuối kỳ	40.035.705.468	21.752.226.325	83.194.136.339	1.114.623.966	83.261.085	146.179.953.183
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.630.887.529	331.616.444	2.435.171.736	-	83.261.085	4.480.936.794
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	5.660.261.213	7.734.624.156	38.320.849.673	1.471.086.421	83.261.085	53.270.082.548
Khấu hao trong kỳ	1.842.929.593	1.233.351.580	4.520.187.021	167.064.557	-	7.763.532.751
Giảm khác	(52.621.078)	(42.837.903)	-	(823.095.123)	-	(918.554.104)
Số cuối kỳ	7.450.569.728	8.925.137.833	42.841.036.694	815.055.855	83.261.085	60.115.061.195
Giá trị còn lại						

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	22.257.591.374	14.006.620.649	44.873.286.666	739.687.548	48.120.000	81.925.306.237
Số cuối kỳ	32.585.135.740	12.827.088.492	40.353.099.645	299.568.111	-	86.064.891.988
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 92.336.784.004 VND và 45.777.532.784 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	8.800.000.000	144.200.743	8.944.200.743
Tăng trong kỳ	-	48.120.000	48.120.000
Số cuối kỳ	8.800.000.000	192.320.743	8.992.320.743
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	806.666.685	130.967.834	937.634.519
Khấu hao trong kỳ	88.000.002	14.127.504	102.127.506
Số cuối kỳ	894.666.687	145.095.338	1.039.762.025
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.993.333.315	13.232.909	8.006.566.224
Số cuối kỳ	7.905.333.313	47.225.405	7.952.558.718
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	6.365.947.000	210.501.456	(210.501.456)	-	6.365.947.000
XDCB dở dang	-	12.204.064.063	(12.194.973.154)	-	9.090.909
Cộng	6.365.947.000	12.414.565.519	(12.405.474.610)	-	6.375.037.909

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.409.271.000
Số cuối kỳ	2.409.271.000
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	664.093.935
Khấu hao trong kỳ	92.664.270
Số cuối kỳ	756.758.205
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.745.177.065
Số cuối kỳ	1.652.512.795
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời chưa sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất tại An Thạnh, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	132.000.000	132.000.000
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	92.664.270	92.664.270

15. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân ⁽ⁱ⁾	3.600.000	36.000.000.000	3.600.000	36.000.000.000
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt ⁽ⁱⁱ⁾	5.525.000	5.525.000.000	5.525.000	5.525.000.000
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ ⁽ⁱⁱⁱ⁾		-		3.000.000.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex ^(iv)	1.566.000	15.660.000.000	1.566.000	15.660.000.000
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex ^(v)	4.860.000	51.660.000.000	4.860.000	51.660.000.000
Cộng		108.845.000.000		111.845.000.000

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701545462 thay đổi lần thứ 05 ngày 8 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần cửa sổ Mùa Xuân là 36.000.000.000 VND, tương đương 70,59% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701535016 thay đổi lần thứ 04 ngày 25 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt 5.525.000.000 VND, tương đương 69,06% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700650584 thay đổi lần thứ 02 ngày 19 tháng 10 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ là 8.000.000.000 VND, tương đương 50,00% vốn điều lệ. Tuy nhiên đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã góp 3.000.000.000 VND chiếm 79,37% so với số vốn góp thực tế tại Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ (các thành viên còn lại không góp bổ sung).

Trong kỳ, Công ty thanh lý khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ theo quyết định giải thể số 01/QĐ-GT/TTM-2012 ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng thành viên.

(iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700877200 thay đổi lần thứ 04 ngày 07 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex là 15.660.000.000 VND, tương đương 58,00% vốn điều lệ.

(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700945605 thay đổi lần thứ 03 ngày 17 tháng 9 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex là 51.660.000.000 VND, tương đương 81,00% vốn điều lệ.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Sinviet ⁽ⁱ⁾		2.235.910.000		2.235.910.000
Trường Đại học quốc tế Miền Đông ⁽ⁱⁱ⁾		14.400.000.000	-	-
Cộng		16.635.910.000		2.235.910.000

(i) Theo Giấy phép đầu tư số 061/GP-KCN-VS, ngày 17 tháng 6 năm 2002 do Trưởng ban quản lý khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sinviet 140.000,00 USD, tương đương 50% vốn điều lệ.

(ii) Khoản đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông được phân loại từ đầu tư dài hạn khác (xem thuyết minh số V.16). Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46121000047 ngày 29 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông 14.400.00.000 VND, tương đương 24% vốn điều lệ.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	700.000	7.000.000.000	700.000	7.000.000.000
- Công ty cổ phần dược Becamex	100.000	1.020.000.000	100.000	1.020.000.000
- Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	1.700.000	13.800.000.000	1.700.000	13.800.000.000
- Công ty cổ phần bê tông ly tâm Thủ Đức 1	1.464.000	14.640.000.000	1.464.000	14.640.000.000
- Trường Đại học quốc tế Miền Đông ⁽ⁱ⁾		-	1.440.000	14.400.000.000
- Công ty cổ phần bóng đá	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
chuyên nghiệp Việt Nam				
Cộng		36.760.000.000		51.160.000.000

- (i) Công ty đã phân loại khoản đầu tư vào Trường Đại học quốc tế Miền Đông sang Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (xem thuyết minh số V.15).

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	886.459.348	3.324.967.414
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên doanh	1.369.409.497	1.348.334.447
Cộng	2.255.868.845	4.673.301.861

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.673.301.861	3.519.009.808
Trích lập dự phòng bổ sung	21.075.050	5.469.397.241
Hoàn nhập dự phòng	(2.438.508.066)	-
Số cuối kỳ	2.255.868.845	8.988.407.049

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ, dụng cụ	867.170.782	138.542.381	(352.503.343)	653.209.820
Chi phí thuê văn phòng	189.553.120	-	(189.553.120)	-
Chi phí khác	216.600.000	241.840.000	(111.484.005)	346.955.995
Cộng	1.273.323.902	380.382.381	(653.540.468)	1.000.165.815

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

21. Tài sản dài hạn khác

Ký quỹ dài hạn.

22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	152.267.520.476	176.217.506.780
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.30)	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	172.267.520.476	196.217.506.780

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để thanh toán tiền hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	196.217.506.780	117.580.482.251
Số tiền vay phát sinh	198.067.784.500	203.932.064.343
Kết chuyển từ vay dài hạn	10.000.000.000	-
Số tiền vay đã trả	(232.017.770.804)	(160.780.482.251)
Số cuối kỳ	172.267.520.476	160.732.064.343

23. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền hàng hóa bất động sản, xây dựng	327.172.429.081	605.880.981.169
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	133.690.880.471	113.833.530.549
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.494.795.000	1.735.691.045
Cộng	463.358.104.552	721.450.202.763

24. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản	349.752.183.367	235.308.045.303
Các khoản người mua trả tiền trước khác	249.702.078.357	75.645.224.400
Cộng	599.454.261.724	310.953.269.703

25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.280.556.857	5.556.317.019	(11.398.239.403)	438.634.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.450.860.281	2.514.156.783	(32.275.733.302)	689.283.762
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	78.719.808	125.711.210	(78.719.808)	125.711.210
Thuế thu nhập cá nhân	145.909.699	974.071.938	(1.174.537.587)	(54.555.950)
Thuế nhà đất	-	376.815.600	(376.815.600)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	36.956.046.645	9.552.072.550	(45.309.045.700)	1.199.073.495

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.906.198.218	51.691.163.355
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	14.906.198.218	51.691.163.355
Thu nhập được miễn thuế	4.225.910.651	2.734.830.600
Thu nhập tính thuế	10.680.287.567	48.956.332.755
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	2.670.071.892	12.239.083.188
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động bất động sản đã tạm nộp</i>	(155.915.109)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	2.514.156.783	12.239.083.188

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 01% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

26. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả.

27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.049.286.407	57.600.164.001
Trích trước chi phí công trình	720.115.250.324	431.961.383.615
Cộng	721.164.536.731	489.561.547.616

28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	421.566.992	445.233.129
Cổ tức phải trả	202.681.516.164	121.626.612.124
Tiền thanh lý hợp đồng các dự án chưa chi cho khách hàng	18.088.032.362	21.898.900.112

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ môi giới	385.600.000	2.100.452.750
Tiền mua cổ phần	52.518.845.948	54.562.646.188
Thu tiền đặt cọc, đặt chỗ các dự án	50.000.000	100.000.000
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân	727.871.720	738.243.720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.142.197.089	1.482.348.032
Cộng	276.015.630.275	202.954.436.055

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến công trình xây dựng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	7.016.625.444	22.006.731.427
Tăng do trích lập trong kỳ	-	3.076.091.319
Số đã sử dụng	(442.699.365)	(247.761.983)
Hoàn nhập trong kỳ	(2.597.886.395)	(16.277.359.305)
Giảm do thanh lý hợp đồng	(142.405.560)	(151.040.456)
Số cuối kỳ	3.833.634.124	8.406.661.002

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	570.488.071	7.218.324.000	(6.140.957.100)	1.647.854.971
Quỹ phúc lợi	673.763.639	1.604.072.000	(1.060.011.727)	1.217.823.912
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	268.147.963	975.000.000	(587.000.000)	656.147.963
Cộng	1.512.399.673	9.797.396.000	(7.787.968.827)	3.521.826.846

31. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	70.133.410.217	44.008.035.762
Vay dài hạn các tổ chức khác ⁽ⁱⁱ⁾	-	150.000.000.000
Cộng	70.133.410.217	194.008.035.762

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương để đầu tư xây dựng dự án khu phố thương mại Uni-Town (giai đoạn 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza và dự án Unitown có giá trị 643.000.000.000 VND và một số tài sản cố định.

(ii) Khoản vay Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên với lãi suất biến động từ 16,98%/ năm đến 19%/năm để đầu tư xây dựng dự án TDC Plaza.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Dưới 01 năm	20.000.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	70.133.410.217
Tổng nợ	90.133.410.217

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số kết chuyển	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	44.008.035.762	36.125.374.455	-	(10.000.000.000)	70.133.410.217
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-	-
Cộng	194.008.035.762	36.125.374.455	(150.000.000.000)	(10.000.000.000)	70.133.410.217

32. Doanh thu chưa thực hiện

Lãi bán nhà trả góp.

33. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Cổ tức

Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức cho các cổ đông là 48.945.095.960 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	583.125.138.942	553.742.620.213
- Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	171.636.235.808	177.136.547.608
- Doanh thu bán thành phẩm	71.715.941.518	78.064.689.434
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	336.526.982.670	294.656.520.823

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.245.978.946	3.884.862.348
Các khoản giảm trừ doanh thu: (hàng bán bị trả lại)	(136.967.123.243)	(35.536.708.405)
Doanh thu thuần	446.158.015.699	518.205.911.808
Trong đó:		
- Doanh thu thuần kinh doanh vật liệu xây dựng	171.636.235.808	177.136.547.608
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	71.715.941.518	78.064.689.434
- Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản	199.559.859.427	259.119.812.418
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.245.978.946	3.884.862.348

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	162.829.514.105	167.894.811.488
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	54.011.839.008	67.166.574.762
Giá vốn kinh doanh bất động sản	149.962.850.533	201.704.378.852
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.956.556.431	2.776.075.596
Cộng	369.760.760.077	439.541.840.698

(i) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	72.753.066.955	88.157.398.735
Chi nhân công trực tiếp	1.454.642.718	1.317.283.883
Chi phí sản xuất chung	10.356.356.253	19.177.566.159
Tổng chi phí sản xuất	84.564.065.926	108.652.248.777
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(30.171.806.614)	(40.484.377.477)
Tổng giá thành sản xuất	54.392.259.312	68.167.871.300
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(376.965.449)	(1.017.347.748)
Chênh lệch thành phẩm nhập xuất khác	(3.454.855)	16.051.210
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	54.011.839.008	67.166.574.762

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	440.556.155	2.545.778.389
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	-	152.118.017
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.225.910.651	2.734.830.600
Lãi bán hàng trả chậm	549.683.312	710.578.543
Lãi đầu tư cổ phiếu	-	7.842.541.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	159.331.895	194.234.975
Cộng	5.375.482.013	14.180.081.524

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.007.994.773	14.079.041.555
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	359.390.625	
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	296.949.369
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	1.596.265.650	6.663.565.550
Chi phí khác	44.552.000	27.874.453
Cộng	19.008.203.048	21.067.430.927

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.165.758.549	6.943.270.060
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	426.725.180	523.663.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.683.330.917	782.267.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.150.716.838	3.547.640.857
Chi phí khác	17.308.369.782	12.009.884.250
Cộng	32.734.901.266	23.806.726.921

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.790.918.329	7.922.122.452
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	206.592.806	414.546.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.800.497.290	1.129.420.126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	992.989.468	907.421.649
Chi phí khác	6.941.313.754	6.789.835.895
Cộng	19.732.311.647	17.163.346.300

7. Thu nhập khác

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.457.450.710
Xử lý vật tư hàng hóa thừa	789.114.479	1.208.917.465
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.597.886.395	16.277.359.305
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	773.234.708	2.343.455.826
Thu nhập khác	544.987.189	260.552.409
Cộng	4.705.222.771	22.547.735.715

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	-	1.545.169.668
Chi phí khác	96.346.227	118.051.178
Cộng	96.346.227	1.663.220.846

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.000.913.496	90.373.616.075
Chi phí nhân công	22.391.098.056	18.524.860.069
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.958.324.527	6.146.727.529
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.025.840.308	6.183.779.583
Chi phí khác	171.343.467.229	28.409.059.048
Cộng	286.719.643.616	149.638.042.304

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	630.000.000	480.000.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	33.392.520	45.460.200
Tiền thưởng	236.000.000	281.000.000
Cộng	899.392.520	806.460.200

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Cổ đông đại diện vốn nhà nước
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt	Công ty con
Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ	Công ty con
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân	Công ty con
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty con
Công ty liên doanh TNHH SinViet	Công ty liên doanh
Trường Đại học quốc tế Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước – môi trường Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương (BCE)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị (UDJ)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật (IJC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bê tông Becamex (ACC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex (BMC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty liên doanh VSIP	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và đầu tư Bình Dương (ITC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng tổng hợp Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần dược phẩm Savipharma	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ đầu tư (ISC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Ánh Sao Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bảo hiểm Hùng Vương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần Setia – Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần hạ tầng kỹ thuật Becamex – Bình Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần công nghệ thông tin Việt Nam (VNIT)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP ISC)	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đường cao tốc BIDV	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần câu lạc bộ bóng đá Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp</i>		
<i>- TNHH một thành viên</i>		
Xuất bán hàng hoá và dịch vụ	30.809.998.847	63.493.236.405
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	76.739.485.118
Cổ tức được chia	78.910.650.000	-
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i>		
Bán nguyên vật liệu	14.253.062.946	2.881.838.811
Bán bê tông	4.383.349.800	1.976.425.816
Mua dịch vụ thi công công trình	33.482.741.633	-
Cổ tức được chia	924.849.000	-
<i>Công ty TNHH Tân Thạnh Mỹ</i>		
Nhận cung cấp dịch vụ	-	1.194.188.292
<i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	16.768.297.435	892.672.265
Bán tài sản	-	1.136.363.636
Cổ tức được chia	1.561.000.000	-
Cho thuê mặt bằng	-	198.000.000
Nhận cung cấp dịch vụ thi công cửa	3.126.614.454	11.090.873.224
<i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang</i>		
<i>- Becamex</i>		
Mua nguyên liệu	7.695.458.690	8.023.192.030
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu	1.454.474.091	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	1.925.286.260	-
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm	1.613.236.849	4.632.219.898
Cổ tức được chia	286.045.500	-
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Bán nguyên vật liệu	2.625.000	-
Mua nguyên vật liệu	-	425.388.700
Cổ tức được chia	24.000	-
<i>Công ty cổ phần dục Becamex</i>		
Mua đất nền	-	55.180.783.775
<i>Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước</i>		
Ứng tiền thi công công trình	17.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần phát triển giáo dục Miền Đông</i>		
Ứng tiền thi công công trình	31.500.000.000	69.500.000.000
<i>Công ty liên doanh TNHH Sin Việt</i>		
Mua nước tinh khiết	4.230.000	-
<i>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</i>		
Cổ tức được chia	433.709.000	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	-	17.465.775.684
Xây dựng công trình	-	334.021.590.407
<i>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	5.437.018.845	5.162.594.911
<i>Công ty cổ phần bê tông Becamex</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	2.887.500	-
<i>Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân</i>		
Tiền bán nguyên vật liệu	38.119.484.586	24.669.783.279
Phải thu cổ tức	1.561.000.000	-
Cho thuê mặt bằng	-	290.400.000
Thẩm tra quản lý dự án công trình nhà xưởng	-	-
Bầu Bàng	-	306.515.000
Tiền bán tài sản	-	1.289.086.575
<i>Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt</i>		
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất	2.962.740.000	3.321.860.000
Bán nguyên vật liệu	7.624.910.566	5.060.500
Phải thu cổ tức	924.849.000	-
Phải thu tiền bán hàng	6.737.703	-
<i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i>		
Ứng tiền mua nguyên vật liệu	10.000.000.000	11.572.196.588
Thu tiền bán nguyên vật liệu	8.179.008	-
Phải thu tiền bán hàng	1.550.775.675	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cộng nợ phải thu	68.198.582.883	398.104.862.944
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp		
- TNHH một thành viên		
Thu hộ tiền bán đất	131.180.908.370	372.724.852.279
Phải trả tiền thuê cửa hàng	1.543.943.909	-
Vay dài hạn	-	150.000.000.000
Ứng trước tiền xây dựng công trình	189.322.569.263	-
Phải trả tiền mua cổ phần	44.460.000.000	44.460.000.000
Phải trả cổ tức	200.311.650.000	121.401.000.000
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang-		
Becamex		
Tiền mua nguyên vật liệu	1.748.780.000	5.894.478.500
Ứng trước tiền đặt cọc mua nhà	200.000.000	200.000.000
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Việt		
Phí giám sát, tư vấn thiết kế	-	10.465.814.418
Phải trả dịch vụ thi công công trình	15.147.094.595	-
Công ty cổ phần cửa sổ mùa xuân		
Thi công công trình	-	8.808.689.968
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa	4.687.489.340	-
Công ty cổ phần phát triển đô thị		
Phải trả tiền mua cổ phần	8.058.845.948	10.102.646.188
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình		
Dương		
Cung cấp dịch vụ	-	188.400.000
Công ty TNHH SinViet		
Cung cấp dịch vụ	2.414.500	8.967.200
Công ty cổ phần dược Becamex		
Mua đất nền	96.401.130.000	96.401.130.000
Ứng trước tiền thi công công trình	5.868.000.000	5.868.000.000
Cộng nợ phải trả	698.932.825.925	826.523.978.553

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất bê tông nhựa nóng.
- Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản: xây dựng và kinh doanh các căn hộ.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Các khách hàng liên quan đến hoạt động thương mại và sản xuất chủ yếu là Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – TNHH một thành viên và các công ty cùng Tập đoàn nên khả năng thu hồi vốn luôn được đảm bảo. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty yêu cầu khách hàng phải thanh toán đầy đủ và đúng tiến độ mới bàn giao nhà cho khách hàng. Riêng đối với trường hợp mua nhà trả trong nhiều năm, bộ phận kinh doanh bất động sản theo dõi chi tiết thời hạn thanh toán để có thể thu tiền cho đúng tiến độ.

Bên cạnh đó, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc các bộ phận khác để thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.758.383.165	-	-	-	39.758.383.165
Phải thu khách hàng	1.061.002.820.678	-	-	4.291.816.931	1.065.294.637.609
Các khoản phải thu khác	6.590.349.079	-	-	-	6.590.349.079
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	36.460.000.000	-	-	8.095.710.935	44.555.710.935
Cộng	1.143.811.552.922	-	-	12.387.527.866	1.156.199.080.788
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.936.516.201	-	-	-	37.936.516.201
Phải thu khách hàng	1.349.056.540.764	-	-	4.291.816.931	1.353.348.357.695
Các khoản phải thu khác	3.264.998.304	-	-	-	3.264.998.304
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	36.520.000.000	-	-	22.735.710.935	59.255.710.935
Cộng	1.426.778.055.269	-	-	27.027.527.866	1.453.805.583.135

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	172.267.520.476	70.133.410.217	242.400.930.693
Phải trả người bán	463.358.115.127	-	463.358.115.127
Các khoản phải trả khác	996.030.728.294	-	996.030.728.294
Cộng	1.627.125.292.918	70.133.410.217	1.701.789.774.114
Số đầu năm			
Vay và nợ	196.217.506.780	194.008.035.762	390.225.542.542
Phải trả người bán	721.450.202.763	-	721.450.202.763
Các khoản phải trả khác	691.332.506.822	-	691.332.506.822
Cộng	1.609.000.216.365	194.008.035.762	1.803.008.252.127

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nhiên liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ USD của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	(1.437.562,50)	(1.437.562,50)
Các khoản phải trả khác	(13.075.720,00)	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(14.513.282,50)	(1.437.562,50)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 4.386.639.636 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 448.713.571 VND).

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công ty có các khoản vay có lãi suất thả nổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 242.400.930.693 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 240.225.542.542 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án TDC Plaza	26.000.000.000	-
Phải thu khách hàng, quyền quản lý, nguồn thu dự án Unitown	617.000.000.000	545.586.000.000
Cộng	646.000.000.000	548.586.000.000

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không có tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>				<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.758.383.165	-	37.936.516.201	-	39.758.383.165	37.936.516.201
Phải thu khách hàng	1.065.294.637.609	(4.271.180.121)	1.353.348.357.695	(4.271.816.931)	1.061.023.457.488	1.349.076.540.764
Các khoản phải thu khác	6.590.349.079	-	3.264.998.304	-	6.590.349.079	2.291.168.904
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	44.555.710.935	(3.856.837.935)	59.255.770.935	(3.629.981.782)	40.698.873.000	55.625.789.153
Cộng	1.156.199.080.788	(8.128.018.056)	1.453.805.643.135	(7.901.798.713)	1.148.071.062.732	1.444.930.015.022

Nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ	242.400.930.693	390.225.542.542	242.400.930.693	390.225.542.542
Phải trả người bán	463.358.115.127	721.450.202.763	463.358.115.127	721.450.202.763
Các khoản phải trả khác	996.030.728.294	691.332.506.822	996.030.728.294	691.332.506.822
Cộng	1.701.789.774.114	1.803.008.252.127	1.701.789.774.114	1.803.008.252.127

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Số 26-27, lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

(đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 22 tháng 7 năm 2013


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

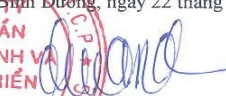
Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	(5.278.598.846)	28.331.589.757	13.537.934.890	214.682.104.248	1.257.754.893.703
Lợi nhuận trong năm trước							153.092.030.175	153.092.030.175
							(9.390.394.987)	(9.390.394.987)
Chia cổ tức trong năm trước							(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm trước				5.278.598.846				5.278.598.846
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	-	28.331.589.757	13.537.934.890	158.383.739.436	1.206.735.127.737
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	-	28.331.589.757	13.537.934.890	158.383.739.436	1.206.735.127.737
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	12.236.126.326	12.236.126.326
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(9.797.396.000)	(9.797.396.000)
Chia cổ tức năm kỳ này	-	-	-	-	-	-	(130.000.000.000)	(130.000.000.000)
Số dư cuối kỳ	1.000.000.000.000	1.841.123.840	4.640.739.814	-	28.331.589.757	13.537.934.890	30.822.469.762	1.079.173.858.063

Bình Dương, ngày 22 tháng 7 năm 2013


Huỳnh Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Lý Thị Bình
Kế toán trưởng


Đoàn Văn Thuận
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	174.882.214.754	71.715.941.518	199.559.859.427	-	446.158.015.699
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.882.214.754	71.715.941.518	199.559.859.427	-	446.158.015.699
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7.612.375.151	6.946.209.953	29.299.767.172	-	43.858.352.276
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(19.928.309.567)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					23.930.042.709
Doanh thu hoạt động tài chính					5.375.482.013
Chi phí tài chính					(19.008.203.048)
Thu nhập khác					4.705.222.771
Chi phí khác					(96.346.227)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.670.071.892)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					12.236.126.326
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	241.840.000	12.553.107.900	-	12.794.947.900
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	935.966.045	4.648.427.215	3.027.471.735	-	8.611.864.995
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	181.021.409.956	78.064.689.434	259.119.812.418	-	518.205.911.808
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	181.021.409.956	78.064.689.434	259.119.812.418	-	518.205.911.808
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	10.350.522.872	10.898.114.672	57.415.433.566	-	78.664.071.110
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(40.970.073.221)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					37.693.997.889
Doanh thu hoạt động tài chính					14.180.081.524
Chi phí tài chính					(21.067.430.927)
Thu nhập khác					22.547.735.715
Chi phí khác					(1.663.220.846)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(12.239.083.188)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					39.452.080.167
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.302.976.818	6.669.165.605	264.438.181	-	9.236.580.604
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	198.721.171	6.805.661.456	1.584.459.352	-	8.588.841.979
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: lô I, đường Đồng Khởi, phường Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

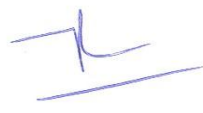
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

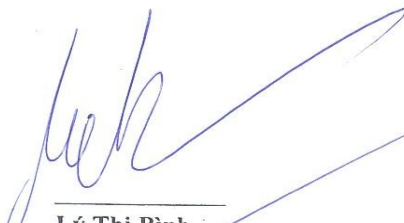
Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực tài sản (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	272.409.623.510	180.027.729.126	2.706.585.890.648	-	3.159.023.243.284
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					238.971.791.163
Tổng tài sản					3.397.995.034.447
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	282.394.200.993	9.800.027.492	1.511.582.023.642	-	1.803.776.252.127
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					515.044.924.257
Tổng nợ phải trả					2.318.821.176.384
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	972.578.809.565	275.857.570.462	2.010.237.947.918	-	3.258.674.327.945
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					117.184.311.631
Tổng tài sản					3.375.858.639.576
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	290.354.306.479	6.671.960.147	1.575.264.934.879	-	1.872.291.201.505
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					296.832.310.334
Tổng nợ phải trả					2.169.123.511.839


Huỳnh Thị Phương Thảo


Lê Thị Bình



Bình Dương, ngày 22 tháng 7 năm 2013


Đoàn Văn Thuận